

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**
Số: 116 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đức Phố, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
**Về thống nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
KHÓA I - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 ;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 1 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021- 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thị xã Đức Phố về việc cho ý kiến xây dựng Kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã;
Xét Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thị xã Đức Phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu
tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã;
Báo cáo số 447/BC-UBND ngày 17/12/2021 giải trình, bổ sung một số nội dung
liên quan Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn
ngân sách cấp thị xã; Báo cáo thẩm tra số 219/BC- HĐND ngày 15 tháng 12
năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng
nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thống nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -
2025 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã, cụ thể như sau:**

I. Mục tiêu

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 bám sát các mục
tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thị xã đã đề ra
trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Đức Phố lần thứ XXI, nhiệm kỳ
2020-2025, trên cơ sở đảm bảo cân đối các nguồn lực, từng bước đầu tư xây dựng

hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, hiện đại, sớm hoàn thành đưa các công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả thực tế. Ưu tiên tập trung đầu tư cho các dự án quan trọng, có sức lan tỏa, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, kéo dài, giảm đa số lượng dự án khởi công mới.

II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1. Việc phân bổ kế hoạch đầu tư công phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của thị xã.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025

1. Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) theo quy định tại khoản 4, Điều 101, Luật Đầu tư công.

2. Phân bổ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

3. Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

4. Phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng theo quy định tại khoản 5, Điều 51, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

IV. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025

1. Nguồn vốn đầu tư: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp thị xã: 2.080.000 triệu đồng, trong đó:

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	
		Tổng vốn (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh phân cấp cho ngân sách thị xã	227.525	10,94
2	Vốn trong cân đối ngân sách thị xã	300.000	14,42
3	Vốn thu từ quỹ đất	652.475	31,37
4	Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, vốn khác	900.000	43,27
	Tổng cộng	2.080.000	100

2. Phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025

a) Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư các công trình theo thời gian

TT	Nội dung	Mức vốn đầu tư (Triệu đồng)
1	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2020 trở về trước	31.541
2	Công trình chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025	153.819
3	Công trình Khởi công mới giai đoạn 2021-2025	1.813.347
4	Bố trí vốn đối ứng xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	68.260
5	Dự phòng	13.033
	Tổng cộng	2.080.000

b) Cơ cấu phân bổ vốn theo từng ngành, lĩnh vực so với công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2025

- Ngành giao thông 745.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 41,08%.
- Ngành Thủy lợi 380.400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 20,98%.
- Ngành Giáo dục và Đào tạo 186.860 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 10,3%.
- Ngành Văn hóa - thông tin: 32.500 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,79%.
- Ngành Hạ tầng - kỹ thuật: 414.807 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 22,88 %.

- Quy hoạch: 53.780 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,97 %.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Một số giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của thị xã. Quán triệt quan điểm tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển để đảm bảo nguồn lực theo đúng kế hoạch trung hạn.

2. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đầu giá các dự án khai thác quỹ đất để tăng thu tiền sử dụng đất.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công, thực hiện kỹ công tác chuẩn bị đầu tư, giao kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm của Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ giải trình, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Đẩy mạnh việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển. Tích cực trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để phát triển sản xuất, kinh doanh.

5. Tập trung chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Quá trình triển khai thực hiện, kịp thời rà soát, đánh giá để điều chỉnh, loại bỏ những dự án kém hiệu quả hoặc chưa thật sự cần thiết, ưu tiên vốn cho các dự án cấp bách, trọng điểm, có tính chất kết nối, lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan. Đối với những dự án chưa có quyết định chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư để đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét giao kế hoạch trung hạn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, Ban của Hội đồng nhân dân thị xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: 

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng thị xã;
- Lưu: VT.

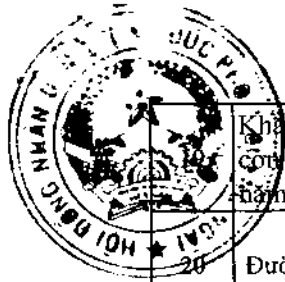
CHỦ TỊCH
Nguyễn Kiên


DANH MỤC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết M6 /NQ-HDND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HDND thị xã Đức Phò)
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020 ngân sách thị xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã		
	Tổng cộng				411.113	287.083	125.583	153.819
1	Công trình Hồ chứa nước Cây Xoài	Phổ Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2021	60.006	12.001	3.575	8.425
2	Kênh tưới Đập Đồng Đồ	Phổ Minh, Phổ Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2021	7.994	7.994	6.090	1.530
3	Đường Đức Phò - Phổ Khánh (Giai đoạn 2)	Phổ Khánh Phổ Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	14.995	14.995	6.000	7.849
4	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường tỉnh lộ ĐT.627B đoạn Phổ An - Phổ Quang	Phổ An, Phổ Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.776	5.776	3.000	2.255
5	Hệ thống thoát nước tuyến đường Đỗ Quang Thắng và Huỳnh Công Thiệu	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	6.500	6.500	2.600	1.923
6	Công trình đường QL1A - Mỹ Á - KCN Phổ Phong (GD1)	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2021	45.156	9.031	0	9.031



	đường Thành đến giáp đường tránh	Phổ Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2017-2021	49.900	10.000		10.000
8	Trồng cây xanh cảnh quang tại Núi Giăng	Nguyễn nghiêm, Phổ Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2016-2021	15.630	15.630	14.569	545
9	Tuyến đường Phạm Hữu Nhật; Lý trình: KM0+303- KM0+654,41	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2017-2021	14.985	14.985	10.079	4.906
10	Đoạn đường Phạm Văn Đồng giáp tuyến đường Trần Hưng Đạo	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2018-2021	14.773	14.773	6.448	8.325
11	Khởi thông, cải tạo dòng chảy sông Cầu Bàu huyện Đức Phổ (GD 1)	Phổ Hòa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2021	14.995	14.995	12.000	2.995
12	Công trình Cầu Đập Mỏ Côi và đường dẫn	Phổ Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	19.470	19.470	8.600	10.870
13	Tuyến đường QL1 - Bến Bè	Phổ Ninh, Phổ Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	12.000	12.000	4.800	7.200
14	Đường Phổ Thuận - Phổ Nhơn (Giai đoạn 2)	Phổ Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	9.634	9.634	3.900	3.633
15	Tuyến đường Võ Thị Sáu	Phổ Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	10.000	10.000	3.601	6.399
16	Cầu Nguyễn Văn Giá và đường dẫn	Phổ Cường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.000	5.000	2.000	3.000
17	Tuyến đường Chu Văn An	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.500	5.500	2.800	1.656
18	Trường mầm non Phổ Châu (04 phòng học)	Phổ Châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	5.103	5.103	1.600	3.503



	Khắc phục khẩn cấp hư hỏng các công trình do cơn bão số 9, số 10 gây ra trên địa bàn thị xã năm 2020	Phòng Quản lý đô thị	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	9.800	9.800	1.686	8.114
20	Đường Trà Câu - Km7 (QL24) (Giai đoạn 2)	Phổ Văn, Phổ Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	14.997	14.997	2.000	12.997
21	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu xử lý liên hợp chất thải rắn thị xã Đức Phổ; Hạng mục: Đường dẫn đường Đức Phổ - Km 7(QL24)giai đoạn 2	Phổ Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	14.995	14.995	2.000	12.995
22	Cầu Bến Bè	Phổ Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	19.404	19.404	3.000	16.404
23	Đầu tư khẩn cấp công trình kè chống sạt lở bờ tả sông thoa, đoạn qua phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	Phổ Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2020-2021	14.500	14.500	13.000	1.500
24	Hệ thống thoát nước trung tâm đô thị Đức Phổ	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2021	20.000	20.000	12.236	7.764



DANH MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nghị quyết M6 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND thị xã Đức Phổ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025
					Tổng số	Trong đó: NS thị xã	Tổng số	Trong đó: Ns thị xã	
	Tổng cộng				229.240	113.131	180.871	91.579	31.541
I	Nguồn vốn ngân sách thị xã				184.716	113.131	160.985	91.579	12.834
1	Đường QL1A - Phố Vinh	Phố Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2011-2020	81.000	16.200	76.173	11.356	233
2	Quốc lộ 1A - Đài truyền thanh	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2009-2019	16.762	9.977	14.461	9.872	105
3	Trường Mầm non Phố Quang (Điểm trường thôn Hải Tân)	Phố Quang	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	3.906	3.906	2.906	2.906	853
4	Trường Mầm non Phố Thuận (Điểm trường thôn Mỹ Thuận)	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	4.469	4.469	3.335	3.335	989
5	KDC Gò Cát ông Triều	Phố cường	UBND xã Phố cường	2017-2019	9.855	9.855	5.000	5.000	4.370
6	KDC Gò Cát Dừa	Phố cường	UBND xã Phố cường	2017-2019	14.772	14.772	10.461	10.461	3.434

7	KDC Bao Điền xã Phở An	Phở An	UBND xã Phở An	2018-2020	14.800	14.800	13.400	13.400	837
8	Cầu Hải Tân và đường dẫn	Phở Quang, Phở Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	36.000	36.000	32.400	32.400	1.925
9	San lấp mặt bằng để Giáo xứ Bàu Gốc xây dựng Nhà thờ công Giáo Trà Câu	Phở Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2019-2020	3.152	3.152	2.849	2.849	88
II	Nguồn vốn khác				3.162		1.930		1.232
10	Khu sân vườn nhà làm việc UBND huyện Đức Phổ; Hạng mục: Xây dựng mới Phù Điều		Văn phòng thị xã	2010-2011	3.162		1.930		1.232
III	Nguồn vốn thu từ các Khu TĐC của dự án BOT (kể cả nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ)				41.362	0	17.956	0	17.475
11	Khu tái định cư Gò Cờ Trong	Phở Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	3.873		1.031		2.063
12	Khu tái định cư Đồng Nã	Phở Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	11.828		7.080		3.211
13	Khu tái định cư Đồng Cây Cao	Phở Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	8.940		2.715		5.246
14	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Nam)	Phở Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	2.617		443		1.733
15	Khu tái định cư Xóm 14 (phía Bắc)	Phở Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	3.068		2.581		88
16	Khu tái định cư Lô 2	Phở Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	6.571		3.105		2.664
17	Khu tái định cư Rộc Khải	Phở Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	4.037		1.000		2.073
18	Di dời Đường điện 22kV khu tái định cư Gò Cờ Trong	Phở Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	2015-2017	428		0		398




**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**


Theo Nghị quyết số 116 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND thị xã Đức Phổ)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
1	2			3	4	5				
	TỔNG CỘNG					1.990.285	1.813.347	913.347	900.000	91
A	DANH MỤC ĐU ĐIỀU KIẾN GIAO KẾ HOẠCH VỐN					1.566.885	1.430.160	735.160	695.000	91
I	NGÀNH GIAO THÔNG					819.100	730.600	265.600	465.000	89
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025									
1	Đường Huỳnh Thúc Kháng	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	40.000	40.000	20.000	20.000	100
2	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	B	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Ninh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	100.000	100.000	50.000	50.000	100
3	Cầu Sộp và đường dẫn	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	10.000		10.000	100
4	Cầu Đập Giàng	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	9.500	9.500	9.500		100

ST T	 Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến Đường Đức Phổ -Phổ Khánh (ĐH.47) (các đoạn ...)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.200	11.200	11.200		100
6	Cầu Suối Đục	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Nhơn	UBND xã Phổ Nhơn	4.000	4.000	4.000		100
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mỹ Trang - Phổ Khánh	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Khánh, Phổ Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	21.000	16.800	16.800		80
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phổ Minh - Phổ Văn (đoạn Phổ Văn)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.500	6.500	6.500		100
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phổ Thuận – Phổ Nhơn (đoạn qua địa bàn xã Phổ Nhơn)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4.300	4.300	4.300		100
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến Đường Phổ An -Phổ Phong (ĐH.42) (đoạn Phổ Phong).	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Phong,	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.600	5.600	5.600		100
11	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Núi Bàu - Liệt Sơn	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Hòa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000		100
12	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài (giai đoạn 2)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Minh, Phổ Ninh	UBND Thị xã	100.000	80.000	80.000		80

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
13	Đường Phố Hòa - Phố Vinh (đoạn Nguyễn Tất Thành - Phố Vinh)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Minh, Phố Vinh	UBND Thị xã	180.000	155.600	41.900	113.700	86
14	Đầu tư hạ tầng Khu dân cư Làng Cá Sa Huỳnh (những đoạn còn lại)	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000	8.800	8.800	0	80
15	Cầu Thạnh Đức	B	Phòng Quản lý đô thị	Phố Thạnh	UBND Thị xã	185.000	166.500	0	166.500	90
16	Cầu Đò Móc và đường dẫn	C	Phòng Quản lý đô thị	Phố Văn, Phố Quang	UBND Thị xã	96.000	76.800	0	76.800	80
17	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (giai đoạn 2)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	28.000	28.000	0	28.000	100
II	NGÀNH THỦY LỢI					187.400	175.400	33.400	142.000	94
	Được đưa vào KCM năm 2021									
1	Kênh đập Đồng Đồ (giai đoạn 2)	C	Phòng Kinh tế	Phố Minh, Phố Vinh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.900	7.900	7.900		100


ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
2	Hồ chứa nước Bàu Đen và hệ thống mương tưới	C	Phòng Kinh tế	Phổ Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	75.000	65.000	0	65.000	87
3	Kè chống sạt lở Sông Lò Bó	C	Phòng Kinh tế	Phường Phổ Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	15.000	15.000	0	15.000	100
Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025								0	0	
4	Kè chống sạt lở bờ sông Trà Cầu	C	Phòng Kinh tế	Phổ Ninh; Phổ Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	50.000	50.000	0	50.000	100
5	Đập Giàng	C	Phòng Kinh tế	Phường Phổ Minh	Phổ Minh	2.500	2.500	2.500	0	100
6	Kênh thoát nước chống ngập úng Đồng Lau	C	Phòng Kinh tế	Phổ Khánh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	8.000	8.000	8.000	0	100
7	Nâng cấp Đập Rớ	C	Phòng Kinh tế	Phường Phổ Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000	0	100
8	Hệ thống thoát lũ từ đầm Lâm Bình ra sông Trường	C	Phòng Kinh tế	Phổ Cường, Phổ Vinh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	0	0	0	0	0





ST T	Đánh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
9	Nâng cấp đập Mồ Côi	C	Phòng Kinh tế	Xã Phò Thuận	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	0	0	0	0	0
10	Chỉnh trị dòng chảy sông Trà Cầu	C	Phòng Kinh tế	Phổ Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	0	0	0	0	
11	Đập ngăn giữ nước, khơi thông dòng chảy và kè chống sạt lở suối Cầu Gạch	C	Phòng Kinh tế	Phổ Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	10.000	8.000	8.000	0	80
12	Khắc phục khẩn cấp để chống sạt lở bờ suối Biện Nhĩ xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	C	Phòng Kinh tế	Phổ Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	12.000	12.000	0	12.000	100
III	NGÀNH HẠ TẦNG - KỸ THUẬT					280.385	265.080	202.080	63.000	95
	Được đưa vào KCM năm 2021						0			
1	Hệ thống thoát nước đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Nghiêm đến giáp điểm đầu giai đoạn 1)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.000	14.000	14.000		100
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025						0			


ST T	Danh mục	Hình thức đầu tư	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
2	Đầu tư hạ tầng các Khu dân cư bán đấu giá	C	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	các xã, phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ					
2.1	Khu dân cư dọc 2 bên đường bê tông An Lợi – Phước Hạ xã Phổ Nhơn.		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Phổ Nhơn	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	5.500	5.500	5.500		100
2.2	Khu dân cư Hùng Nghĩa xã Phổ Phong		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Phổ Phong	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	3.400	3.400	3.400		100
2.3	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	42.600	42.600	42.600		100
2.4	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	35.000	35.000	35.000		100
3	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn Thị xã Đức Phổ (khu vực nội thị)	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Phòng Quản lý đô thị	14.950	14.950	14.950		100
4	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn của Thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Nhơn	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.995	14.995	14.995		100
5	Đầu tư các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	Phổ Khánh, Phổ Cường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	14.990	14.990	14.990		100
6	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến Quốc lộ 1 và các trục đường chính trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	Phòng Quản lý đô thị	14.950	14.950	14.950		100


ST T	Danh mục đầu tư	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
7	Công viên, cây xanh các phường trên địa bàn Thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	20.000	16.000	16.000		80
8	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Ró)	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa, Phố Minh	UBND thị xã	100.000	88.695	25.695	63.000	89
IV	NGÀNH VĂN HÓA- TT					50.000	32.500	32.500	0	65
1	Nâng cấp, cải tạo Khu tưởng niệm liệt sĩ	C	Phòng Lao động TB&XH	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	11.000	11.000	11.000		100
2	Hạ tầng khu di tích Liên trì Dục Nguyệt	C	Phòng Văn hóa - Thông tin	Phổ Thuận	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	4.000	4.000	4.000		100
3	Xây dựng Khu trung tâm thể dục thể thao thị xã	C	Phòng Văn hóa - Thông tin	Nguyễn Nghiêm, Phố Hòa	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	35.000	17.500	17.500		50
IV	NGÀNH GIÁO DỤC					174.000	172.800	172.800	0	99
	Được đưa vào KCM năm 2021	C					0			
1	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm; Hạng mục: 06 phòng học, nhà bếp, sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000		100

ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
2	Trường Mầm non Phố Nhơn; Hạng mục: 06 phòng học, nhà hiệu bộ, sân nền, tường rào công nghệ.	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	13.500	13.500	13.500		100
3	Trường Mầm non Phố Châu; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà ăn, tường rào và sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000		100
	Dự kiến đưa vào KCM năm 2022-2025	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo							
4	Xây dựng 12 phòng học của Trung tâm GDTX-GDNN	C	Trung tâm GDTX-GDNN	Nguyễn nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	14.000	14.000	14.000		100
5	Trường Mầm non Phố Thuận; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và sân vườn; 2 phòng (Giáo dục thể chất, giáo dục	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Thuận	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000		100
6	Trường Mầm non Phố Văn; Hạng mục: 04 phòng (Giáo dục thể chất, Giáo dục nghệ thuật, 02 phòng học), nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phố Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	9.200	9.200	9.200		100
7	Trường TH Nguyễn Nghiêm; Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	7.000	7.000	7.000		100


ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
8	Trường THCS Nguyễn Nghiêm; Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn; nhà vệ sinh, tường rào, cổng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	6.000	6.000	6.000		100
9	Trường Tiểu học Phở Vinh; Hạng mục: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Vinh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.200	3.200	3.200		100
10	Trường TH Phở Nhơn; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng bộ môn, sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.800	5.800	5.800		100
11	Trường THCS Phở Thạnh; Hạng mục: Xây dựng mới 12 phòng học, hệ thống PCCC ngoài nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	13.000	13.000	13.000		100
12	Trường MN Phở Nhơn; Hạng mục: sân vườn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.500	1.500	1.500		100
13	Trường TH số 3 Phở Thạnh; hạng mục: 06 phòng học bộ môn và nhà hiệu bộ	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	8.500	8.500	8.500		100
14	Trường Tiểu học số 2 Phở Thạnh; Hạng mục: 4 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	9.000	9.000	9.000		100

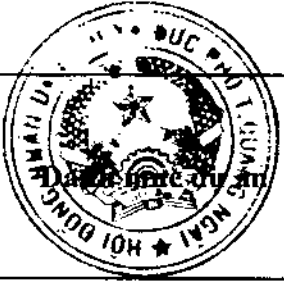
ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
15	Trường THCS Phổ Nhơn; Hạng mục: 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.500	5.500	5.500		100
16	Trường THCS Phổ Ninh; Hạng mục: Xây dựng mới 06 phòng học và nhà vệ sinh	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Ninh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.500	5.500	5.500		100
17	Trường Mầm non Phổ Minh; Hạng mục: Xây dựng mới 02 phòng: (01 Giáo dục thể chất, 01 Giáo dục Nghệ thuật).	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Minh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.900	1.900	1.900		100
18	Trường Mầm non Phổ An; Hạng mục: 02 phòng: 01 Giáo dục thể chất, 01 Giáo dục Nghệ thuật.	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ An	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	1.900	1.900	1.900		100
19	Trường TH số 1 Phổ Thạnh; hạng mục Xây dựng mới 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phổ Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	4.000	4.000	4.000		100
20	Trường THCS Nguyễn Nghiêm; Hạng mục: Xây dựng mới 08 phòng học, nhà đa năng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	12.500	12.500	12.500		100

ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
21	Trường TH Phô Khánh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà đa năng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phô Khánh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000	11.000	11.000		100
22	Trường Tiểu học Phô Văn; Hạng mục: 04 phòng bộ môn, nhà đa năng	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phô Văn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	10.000	10.000	10.000		100
23	Trường THCS Phô Phong; Hạng mục: 04 phòng bộ môn THCS (Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ, Tin)	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phô Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	5.200	4.680	4.680		90
24	Trường TH&THCS Phô Châu; Hạng mục: 04 phòng bộ môn tiểu học	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phô châu	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.800	3.420	3.420		90
25	Trường MN Phô Nhơn; Hạng mục: 02 phòng (01 Giáo dục thể chất, 01 giáo dục nghệ thuật), nhà bếp,	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phô Nhơn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.000	2.700	2.700		90
V	QUY HOẠCH					56.000	53.780	28.780	25.000	96
	Được đưa vào KCM năm 2021						0			
1	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch thị xã Đức Phô		Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	các xã, phường	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã	3.200	3.200	3.200		100

ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
2			Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ	các xã, phường	Ban QLDA ĐT XD và PT QĐ	3.500	3.500	3.500	-	100
3			Phòng Quản lý đô thị	xã Phở Phong	Phòng Quản lý đô thị	1.395	1.395	1.395	-	100
4			Phòng Quản lý đô thị	xã Phở Cường	Phòng Quản lý đô thị	1.750	1.750	1.750	-	100
5			Phòng Quản lý đô thị	xã Phở Khánh	Phòng Quản lý đô thị	1.775	1.775	1.775	-	100
6			Phòng Quản lý đô thị	xã Phở Châu	Phòng Quản lý đô thị	1.380	1.380	1.380	-	100
7			Phòng Quản lý đô thị	xã Phở Nhơn	Phòng Quản lý đô thị	1.500	1.500	1.500	-	100
8			Phòng Quản lý đô thị	Phường Phở Vinh	Phòng Quản lý đô thị	5.400	5.400	5.400	-	100
9			Phòng Quản lý đô thị	xã Phở Khánh	Phòng Quản lý đô thị	6.000	4.800	4.800	-	80

ST T	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
10	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Tây các phường: Phố Hòa - Nguyễn Nghiêm - Phố Ninh		Phòng Quản lý đô thị	Các phường: Phố Hòa, Nguyễn Nghiêm, Phố Ninh	Phòng Quản lý đô thị	5.100	4.080	4.080	-	80
11	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Thạnh		Phòng Quản lý đô thị	phường Phố Thạnh	Phòng Quản lý đô thị	10.000	10.000	-	10.000	100
12	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Bắc đô thị Đức Phố (Phố Văn - Phố Thuận - Phố An - Phố Quang)		Phòng Quản lý đô thị	Phường: Phố Quang, Phố Văn và các xã: Phố An, Phố Thuận, thị xã Đức Phố	Phòng Quản lý đô thị	15.000	15.000	-	15.000	100
B	DANH MỤC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH VỐN (CHƯA HOÀN CHỈNH THỦ TỤC CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ)					423.400	383.187	178.187	205.000	91
I	NGÀNH GIAO THÔNG					18.000				
1	Hệ thống thoát nước các tuyến đường nội thị	C	Phòng Quản lý đô thị	Nguyễn Nghiêm	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	18.000				
II	NGÀNH THỦY LỢI					205.000				
1	Đập ngăn mặn	C	Phòng Kinh tế	Phố Văn, Phố Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	85.000				

ST T		Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
							Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
2	Kè chống sạt lở bờ các điểm của sông Trà Cầu và sông Thoa	C	Phòng Kinh tế	các phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	120.000				
III	NGÀNH HẠ TẦNG - KỸ THUẬT					186.000				
1	Hệ thống nước sạch trên địa bàn thị xã	C	Phòng Quản lý đô thị	các xã, phường	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	15.000				
2	Dương vào cụm công nghiệp Đồng Làng (đoạn từ đường Trương Định nối với CCND)	C	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.500				
3	Đầu tư hạ tầng các Khu dân cư bán đấu giá									
3.1	Khu dân cư Đồng Phời Trong		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nguyễn Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	34.000				
3.2	Khu dân cư mới số 1 tổ dân phố 4, phường Phở Minh		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Phở Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	7.100				
3.3	Khu dân cư mới Gò Lôm tổ dân phố 4, phường Phở Minh		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Phở Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	9.400				
3.4	Khu dân cư vùng lợm thôn Trường Sanh, Khu dân cư vùng lợm thôn Hải Môn, phường Phở Minh		BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Phở Minh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	2.200				



ST T	Nhóm dự án	Cơ quan đề xuất	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bố trí vốn 2021-2025			Tỷ lệ
						Tổng cộng	NS thị xã	NS cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn khác	
3.5	Khu dân cư Thôn Trung Sơn, xã Phở Khánh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Phở Khánh	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	22.000				
3.6	Các khu dân cư dọc đường Huỳnh Công Thiệu (nối dài)	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	Nghiêm Nghiêm	BQL DA ĐTXD và PTQĐ	88.800				
IV	NGÀNH GIÁO DỤC				14.400				
1	Trường Mầm non Phở Thạnh; hạng mục 09 phòng học, hệ thống PCCC ngoài nhà	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Thạnh	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	11.000			
2	Trường Tiểu học Phở Cường; Hạng mục: 04 phòng bộ môn	C	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phở Cường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ	3.400			